TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **43**/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 24/12/2020
Về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.
- Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Vũ Xuân Dự.
2. Ông Dương Bình Định.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan, là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Doan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 159/2020/TLST – HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị H – sinh năm 1987; có mặt.
Nơi ĐKHKTT: Xóm 7C, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình.
Hiện đang tạm trú tại: Khối 13, thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình.
- Bị đơn: Anh Ninh Văn D – sinh năm 1976; có mặt.
Nơi ĐKHKTT và trú tại: Xóm 7C, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Vũ Thị H trình bày: Chị và anh Ninh Văn D kết hơn hợp pháp với nhau năm 2004 tại UBND xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về chung sống tại xóm 7C, xã C và vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do tính tình không hợp và anh D thường xuyên uống rượu, chè xong về nhà ghen tuông vô cớ với các mối quan hệ công việc của chị. Tháng 10 năm 2019 chị đã làm các thủ tục xin ly hôn anh D. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục hòa giải để

vợ chồng về đoàn tụ và chị đã rút đơn khởi kiện. Nhưng thời gian sau đó anh chị chỉ về chung sống với nhau một thời gian ngắn thì mâu thuẫn lại phát sinh. Do cuộc sống chung không có hạnh phúc nên tháng 12 năm 2019 chị chuyển ra ngoài ở và vợ chồng chính thức sống ly thân nhau từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân hai bên không liên lạc và trao đổi với nhau cũng như không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng về đoàn tụ, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Dũng.

Về con chung: Chị và anh D có bốn con chung: cháu Ninh Mỹ D1, sinh ngày 11 tháng 01 năm 2005 và cháu Ninh Quang D2 sinh ngày 19 tháng 3 năm 2007, cháu Ninh Ngọc H1 sinh ngày 20 tháng 4 năm 2012 và cháu Ninh Ngọc D3 sinh ngày 18 tháng 06 năm 2014. Qua lời trình bày tại phiên hòa giải về con chung chị tôn trọng ý kiến của con chung muốn ở với ai là quyền của các cháu. Tại phiên tòa chị muốn trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu D1 và cháu H1. Nay vợ chồng ly hôn chị nhận nuôi cháu Ninh Mỹ D1 và cháu Ninh Ngọc H1. Giao cháu Ninh Quang D2 và Ninh Ngọc D3 cho anh anh D chăm sóc nuôi dưỡng. Hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con và có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh D đã tự thỏa thuận phân chia sản chung và công nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong bản tự khai, các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn là anh Ninh Văn D trình bày: Về nguyên nhân vợ chồng anh chị mâu thuẫn như chị H trình bày là không đúng. Đầu năm 2020 chị H đã làm các thủ tục xin ly hôn nhưng sau khi Tòa án hòa giải chị H đã rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ. Thời gian sau đó chị H chỉ ở nhà có vài ngày xong chị H lại thu dọn đồ đạc đi ra ngoài sống. Chị H đã sống ly thân với anh gần một năm anh không còn tình cảm nhưng anh không đồng ý ly hôn. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh không đồng ý. Anh đề nghị chị H phải thỏa thuận với anh về vấn đề con chung, tài sản chung và công nợ chung thì anh mới đồng ý ly hôn. Trong trường hợp vợ chồng chưa thỏa thuận được thì anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có bốn con chúng cháu Ninh Mỹ D1 sinh ngày 11 tháng 01 năm 2005, cháu Ninh Quang D2 sinh ngày 19 tháng 3 năm 2007, cháu Ninh Ngọc H1 sinh ngày 20 tháng 4 năm 2012 và cháu Ninh Ngọc D3 sinh ngày 18 tháng 06 năm 2014. Khi nào vợ chồng tự thỏa thuận về vấn đề tài sản thì mới thỏa thuận về vấn đề con cái. Tại phiên tòa anh D nhất trí về vấn đề giao con sau khi ly hôn. Chị H nuôi hai cháu D1 và H1 còn anh nuôi hai cháu D2 và D3. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Tòa án nhân dân huyện K đã có biên bản làm việc với anh Ninh Văn D về việc chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng vì anh chị tự thỏa thuận phân chia. Trong trường hợp anh có đề nghị Tòa án giải quyết thì phải có văn bản ý kiến của mình cũng như những vấn đề cụ thể anh yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Trong trường hợp anh chỉ yêu cầu chung chung Tòa án

sẽ không xem xét trong vụ án này. Nếu anh chị có tranh chấp có thể tách ra giải quyết bằng một vụ án khác chia tài sản khi ly hôn.

Tại phiên tòa anh Dũng vẫn giữ nguyên quan điểm không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết về vấn đề tài sản chung và công nợ để anh chị tự thỏa thuận phân chia.

Tại bản tự khai của cháu Ninh Mỹ D1 và cháu Ninh Ngọc H1 thì nguyện vọng của các cháu muốn ở với mẹ là chị Vũ Thị H để ổn định việc học tập cũng như sinh hoạt của cháu.

Tại bản tự khai của cháu Ninh Quang D2 trình bày hiện cháu đang ở với bố và cháu không muốn bố mẹ ly hôn. Cháu không thể hiện nguyện vọng muốn ở với ai khi bố mẹ ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng : Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án : Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và Gia đình ; Điều 144 khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị H ly hôn với anh Ninh Văn D.
- Về con chung: Giao hai cháu Ninh Mỹ D1 và Ninh Ngọc H1 cho chị Vũ Thị H chăm sóc nuôi dưỡng. Giao hai cháu Ninh Quang D2 và Ninh Ngọc D3 cho anh Ninh Văn D chăm sóc nuôi dưỡng. Hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con và có quyền đi lại thăm nom con chung.
- Án phí: Chị Vũ Thị H nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Vũ Thị H có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Ninh Văn D có nơi cư trú tại: Xóm 7C, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị H và anh Ninh Văn D có đăng ký kết hôn ngày 12 tháng 11 năm 2004 tại UBND xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Vũ Thị H và anh Ninh Văn D là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn anh chị về sinh sống tại xóm 7C, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp và không tin tưởng tôn trọng nhau, luôn nghi ngờ nhau về vấn đề tình cảm, dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Cuối năm 2019 chị H

đã làm các thủ tục ly hôn với anh D nhưng Tòa án đã hòa giải chị H rút đơn khởi kiện và vợ chồng về đoàn tụ. Thời gian sau đó anh chị có về chung sống với nhau nhưng không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng nên anh chỉ chỉ chung sống với nhau có vài ngày thì chị H lại bế con và dọn nhà ra ở riêng. Đồng thời anh chị cũng sống ly thân nhau từ đó đến nay, cả hai không quan tâm và không liên lạc với nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành nhiều phiên hòa giải để chị H và anh D có cơ hội về đoàn tụ nhưng không có kết quả. Chị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn, về phía anh D không thể hiện rõ quan điểm đối với các vấn đề cần giải quyết trong vụ án như quan hệ hôn nhân, nuôi con sau khi ly hôn.

Căn cứ vào biên bản xác minh tại chính quyền cơ sở xã C thể hiện: Chị H và anh D có Đăng ký kết hôn tại UBND xã C, sau khi kết hôn anh chị về chung sống tại xóm 7C, xã C, huyện K. Quá trình chung sống tại địa phương anh chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân những mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng do anh D đã không tin tưởng và nghi ngờ chị H có quan hệ bất chính. Vợ chồng đã có lần cãi vã nhau, phụ nữ và chính quyền thôn xóm cũng đã sang khuyên giải nhưng không có kết quả. Cuối năm 2019 chị H làm các thủ tục xin ly hôn anh D sau đó Tòa án hòa giải và chị H rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh chị chỉ chung sống được vài ngày sau đó thì mâu thuẫn lại phát sinh và chị H bỏ anh D ra thuê nhà ở riêng tại thị trấn B, không quan tâm đến anh cuộc sống của D nữa. Cả hai anh chị không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay anh chị xin ly hôn Tòa án căn cứ vào các quy định để giải quyết theo nguyên vọng cũng như ý kiến của các bên đương sự.

Từ những tài liệu nêu trên thể hiện cuối năm 2019 chị H và anh D đã làm các thủ tục ly hôn sau đó anh chị rút đơn và về đoàn tụ nhưng không có kết quả và chỉ một thời gian ngắn vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng hơn. Hiện anh chị đã có thời gian sống ly thân nhau một năm nay và không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần để anh chị về đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con chung. Chị H thì không nhất trí về đoàn tụ và cương quyết xin ly hôn, còn anh D thì không có quan điểm rõ ràng về việc đoàn tụ hay ly hôn dẫn đến việc hòa giải tại Tòa án không đem lại kết quả. Điều đó chứng tỏ tình trạng vợ chồng giữa chị H và anh D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị H và anh D có bốn con chung cháu cháu Ninh Mỹ D1, sinh ngày 11 tháng 01 năm 2005 và cháu Ninh Quang D2 sinh ngày 19 tháng 3 năm 2007, cháu Ninh Ngọc H1 sinh ngày 20 tháng 4 năm 2012 và cháu. Qua xem xét nguyện vọng của các con thì cháu D1 và H1 có nguyện vọng ở với mẹ, cháu D2 không có nguyện vọng ở với ai nhưng thực tế đang ở với anh D. Đối với cháu D3 cũng đang ở với anh D và quyền lợi của các con đều đảm bảo. Tại phiên các đương sự đã thỏa thuận với nhau về vấn đề giao con sau khi ly hôn: Chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu D1

và cháu H1, anh D tiếp tục chăm sóc hai con chung cháu D2 và cháu D3. Hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung.

Căn cứ vào thực tế điều kiện nuôi dưỡng con của các bên đương sự cũng như nguyện vọng của các con khi bố mẹ ly hôn Hội đồng xét xử thấy việc thỏa thuận về vấn đề giao con sau khi ly hôn giữa các đương sự là tự nguyện, không vi phạm đạo đức xã hội và không vi phạm pháp luật. Nên chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp với các quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi của các con trong vụ án.

Đối với vấn đề tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng nếu sau này các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau thì có thể khởi kiện bằng một vụ án tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Vũ Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp , quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị H và anh Ninh Văn D được ly hôn

2. Về con chung: Giao cháu Ninh Mỹ D1 sinh ngày 11 tháng 01 năm 2005 và cháu Ninh Ngọc H1 sinh ngày 20 tháng 4 năm 2012 cho chị Vũ Thị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Giao cháu Ninh Quang D2 sinh ngày 19 tháng 3 năm 2007 và cháu Ninh Ngọc D3 sinh ngày 18 tháng 06 năm 2014 cho anh Ninh Văn D tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi các cháu trưởng thành tự lập được cuộc sống. Hai bên không có nghĩa vụ cấp đưỡng đối với con và có quyền đi lại thăm nom con chung.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0002429 ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được THADS, người phải THADS có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- UBND xã C, huyện K;
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)
Trần Thị Khanh